

NÂNG CAO SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG
QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG Ở KHU VỰC HÀNH LANG
KON KA KINH – KON CHUR RĂNG, HUYỆN KBANG,
TỈNH GIA LAI



Dự án quản trị nguồn tài nguyên nước

Người trình bày: Nguyễn Đức Tố Lưu

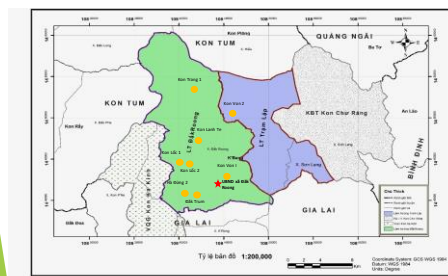
Nội dung

- ▶ Khu vực hành lang xanh Kon Ka Kinh – Kon Chur Răng
- ▶ Những khó khăn và đe dọa tới rừng ở khu vực
- ▶ Xác định các nội dung ưu tiên cho hỗ trợ cộng đồng
- ▶ Mô hình tổ chức cộng đồng tham gia bảo vệ rừng
- ▶ Một số giải pháp can thiệp
- ▶ Những tác động dự kiến của mô hình tới quản lý bảo vệ rừng.

Các bước tiếp cận



Khu vực hành lang Kon Ka Kinh – Kon Chur Răng



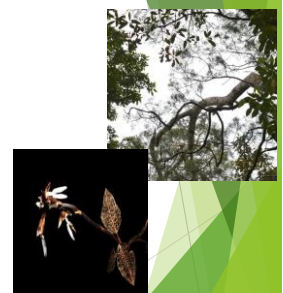
Rừng ở khu hành lang Kon Ka Kinh – Kon Chur Răng

- ▶ Hành lang có 84,571 ha rừng tự nhiên ít bị tác động, có độ che phủ rừng trên 88 %.
- ▶ Thảm thực vật rừng mang tính đặc trưng rừng Tây Nguyên, phần lớn là rừng nguyên sinh với thực bì thảm tươi có ngoại tầng phong phú, sinh cảnh chủ yếu là rừng thường xanh lá rộng và kiểu rừng hỗn giao cây lá rộng, cây lá kim.



Đa dạng hệ thực vật

- ▶ Theo điều tra gần nhất khu vực này có 501 loài thực vật bậc cao trên cạn có mạch thuộc 84 họ trong 6 ngành thực vật.
- ▶ Một số loài quý hiếm: Thông nàng (*Dacrycarpus imbricatus*), Hoàng đàn giả (*Dacrydium elatum*), Đinh tùng (*Cephalotaxus hainanensis*), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*) các loài lan Hải, lan Kim tuyến...



Đa dạng hệ động vật

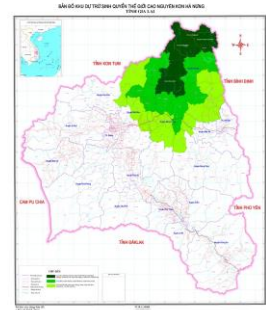
Điều tra 2017 đã ghi nhận sự có mặt của một số loài động vật nguy cấp quý hiếm tại khu hành lang:

- ▶ Chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*)
- ▶ Vượn đen má hung trung bộ (*Nomascus annamensis*)
- ▶ Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*)
- ▶Ếch cây kio (*Rhacophorus kio*)
- ▶ Loài nhái bầu (*Microhyla sp.*)



Đề án của tỉnh Đắk Lắk đăng ký và xây dựng khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng

Khu vực hành lang xanh KBang cùng với VQG Kon Ka Kinh và khu BTTN Kon Chư Răng làm thành vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển cao nguyên Kon Hà Nừng.



Các mối đe dọa đến rừng

1. Lấn chiếm rừng làm nương rẫy trồng cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu.
2. Xây dựng các thủy điện: có 3 thủy điện trên địa bàn 1 xã Đăk Roong. Dẫn đến chuyển đổi rừng làm thủy điện và tái định cư người dân địa phương.



Các mối đe dọa đến rừng

3. Khai thác tràn lan, tàn diệt nguồn lâm sản ngoài gỗ như Kim tuyến, Năm linh chi...
4. Khai thác gỗ quý do người bên ngoài thuê các thanh niên địa phương làm và một phần lấy gỗ làm nhà.
5. Săn bắt thú rừng.



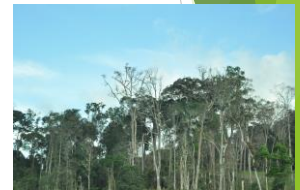
Những hạn chế năng lực của cộng đồng

- Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 48,7%.
- Trình độ học vấn của cộng đồng thấp. Nhận thức về giá trị của rừng còn hạn chế. Thiếu cơ chế hỗ trợ, điều kiện học tập.
- Cây công nghiệp mới được trồng tại địa phương, chưa đánh giá được hiệu quả
- Phương pháp canh tác lạc hậu, thuận theo tự nhiên.



Những hạn chế năng lực của cộng đồng

- Nguồn thu thiếu ổn định, dựa nhiều vào rừng.
- Rừng được giao cho các chủ rừng, chính quyền xã chỉ quản lý địa giới hành chính.
- Mới giao khoán rừng cho một số làng trong khu vực.

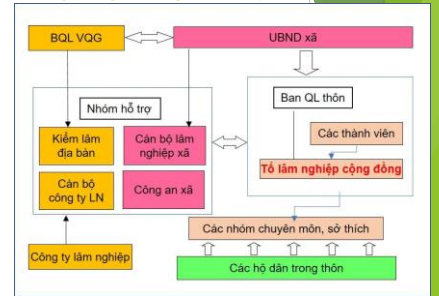


Các nội dung ưu tiên trong thúc đẩy cộng đồng tham gia quản lý phát triển rừng

1. Phân định làm rõ ranh giới đất rừng.
2. Phát triển sinh kế gắn với bảo vệ rừng.
3. Tổ chức tuần tra bảo vệ rừng.
4. Quản lý và sử dụng bền vững lâm sản.
5. Nâng cao nhận thức và năng lực cho cộng đồng.



Mô hình tổ chức cộng đồng tham gia quản lý bảo vệ rừng



Những hoạt động nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và phát triển rừng

- ▶ Tổ chức lại các tổ BVR hiện có ở các thôn (làng/bản) và xây dựng mô hình "Tổ lâm nghiệp cộng đồng" do UBND xã trực tiếp thúc đẩy và giám sát, cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị chủ rừng.
- ▶ Tập huấn nâng cao năng lực và tuyên truyền giáo dục cho các Tổ lâm nghiệp về phát triển các mô hình sinh kế, phát triển bền vững cộng đồng dựa vào nội lực (ABCD)
- ▶ Đào tạo các kỹ năng mềm cho Tổ LNCĐ: Kỹ năng thương thuyết, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tổ chức họp, lập kế hoạch, tuyên truyền viên trong cộng đồng.
- ▶ Tập huấn về kỹ năng tuần tra BVR, sử dụng thiết bị kỹ thuật trong việc quản lý rừng, báo cáo vi phạm rừng, nâng cao hiệu biết về pháp luật BVR, kết hợp với giám sát đa dạng sinh học.

Những hoạt động nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và phát triển rừng

- ▶ Xác định, thống kê, cập nhật ranh giới rừng và đất rừng, đất nương rẫy giáp rừng trong thôn: bản đồ, phân loại (phân định ranh giới).
- ▶ Phát triển sinh kế qua các mô hình nông lâm nghiệp: vườn ươm cộng đồng, trồng rừng phục hồi, mô hình rừng kinh tế, nuôi ong bán hoang dã... Hỗ trợ kinh phí cho các sáng kiến cộng đồng nhằm đạt được mục tiêu sinh kế bền vững.
- ▶ Bảo vệ rừng: tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả giao khoán BVR, nâng tính chủ động của cộng đồng trong bảo vệ rừng. Giám sát đa dạng sinh học.
- ▶ Chia sẻ lợi ích LSNG: quản lý LSNG, động vật hoang dã.

Tác dụng dự kiến của mô hình

- ▶ Hình thành cơ chế hướng tới giải quyết các mâu thuẫn về tài nguyên thiên nhiên (đất rừng). Cải thiện mối quan hệ giữa các bên trong quản lý bảo vệ rừng.
- ▶ Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy kiến thức và văn hóa truyền thống trong BVPT rừng.
- ▶ Nâng cao đời sống nhân dân gắn với sử dụng rừng bền vững. Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên rừng.
- ▶ Huy động đồng dân người dân tham gia bảo vệ rừng trong một cơ chế tổ chức hiệu quả.
- ▶ Hướng tới chia sẻ công bằng các lợi ích từ tài nguyên rừng.